

Số: **2862/QĐ-UBND**

Yên Bái, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019
của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết: Số 53/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016; số 12/2017/NQ-HĐND ngày 10/4/2017; số 32/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017; số 33/NQ-HĐND ngày 24/11/2017; số 48/NQ-HĐND ngày 14/12/2017; số 02/NQ-HĐND ngày 10/4/2018; số 10/NQ-HĐND ngày 02/8/2018; số 39/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn tại Tờ trình 279/TTr-UBND ngày 24/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Văn Chấn; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 762/TTr-STNMT ngày 25/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái với các nội dung như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Diện tích các loại đất trong năm kế hoạch phân bổ đến từng xã, thị trấn trong huyện thể hiện tại phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định.

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2019

Kế hoạch thu hồi đất phân bổ đến từng xã, thị trấn trong huyện thể hiện tại phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định.

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất phân bổ đến từng xã, thị trấn trong huyện thể hiện tại phụ biểu số 03 kèm theo Quyết định.

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2019

Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng phân bổ đến từng xã, thị trấn trong huyện thể hiện tại phụ biểu số 04 kèm theo Quyết định.

5. Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2019

Danh mục các công trình thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất trong năm 2019 của huyện Văn Chấn thể hiện tại phụ biểu số 05 kèm theo Quyết định.

Điều 2. Công bố công trình hủy bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất

Công bố hủy bỏ các công trình ra khỏi kế hoạch sử dụng đất của huyện Văn Chấn căn cứ theo khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013 và theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn tại hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019. *(Chi tiết tại phụ biểu số 06 kèm theo Quyết định)*

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào Điều 1, Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
- Công bố công khai những công trình hủy bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất theo quy định;
- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện Văn Chấn, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Văn Chấn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- HĐND, UBND huyện Văn Chấn;
- Báo Yên Bái, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó VP (đ/c Yên) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tạ Văn Long



KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN VĂN CHẤN

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				Tổng diện tích (ha)	Thị trấn NT Lâm Sơn	Thị trấn NT Nghĩa Lộ	Thị trấn NT Tân Phố	Xã An Lương	Xã Bình Thuận	Xã Cát Thịnh	Xã Chấn Thịnh	Xã Đại Lịch	Xã Đông Khê	Xã Gia Hội	Xã Tân Sơn	Xã Minh An	Xã Năm Bùng	Xã Năm Lành	Xã Năm Mười
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(35)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Đất nông nghiệp	NNP	112.203,39	1.014,96	1.203,16	1.740,73	6.375,55	5.376,15	16.037,45	4.325,66	4.041,14	2.042,91	3.474,97	570,35	3.199,59	9.282,80	7.627,23	2.263,04	864,87
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.882,68	74,33	86,12	44,08	148,39	137,00	222,45	221,24	228,62	196,58	155,66	255,52	56,81	166,14	117,92	135,82	39,59
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	4.337,08	74,33	86,12	44,08	78,19	137,00	191,70	221,24	228,62	196,58	155,66	255,52	56,81	124,85	86,92	47,40	32,52
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.885,06	47,60	44,76	17,72	491,97	130,09	1.001,61	163,22	110,22	358,77	491,59	11,56	68,99	1.034,12	250,27	121,29	3,54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	19.801,53	609,46	1.010,11	1.355,14	129,13	1.276,90	1.000,81	1.330,43	979,63	446,60	617,97	145,44	930,76	370,47	469,34	94,79	159,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.800,58		605,03	1.766,95			3.869,60	982,21		250,74	367,89			649,26	1.277,62	340,32	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	62.532,44	280,24	358,66	304,69	5.000,94	2.059,43	9.915,89	1.606,07	2.692,79	780,84	1.839,43	154,80	2.140,85	7.060,78	5.510,68	1.570,74	661,19
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	252,36	3,27	11,00	19,10	0,09	5,78	27,09	22,49	29,88	9,39	2,44	3,03	2,18	2,02	1,40	0,08	1,25
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	48,75		2,50														
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.495,58	106,43	187,62	156,04	259,67	171,59	289,60	391,77	300,41	167,89	226,24	171,56	105,67	353,07	119,34	96,74	65,22
2.1	Đất quốc phòng	CQP	444,91		24,91														
2.2	Đất an ninh	CAN	1,03																
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	33,52																
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,31	0,11	1,35	0,29			0,11	0,01	0,08		0,26	0,21		0,04			
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	128,06	2,71	14,32	6,83		2,16	0,39	31,59	0,42		18,50		1,37	23,10			
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	506,33				69,95	16,31		72,48	29,90		45,27			176,87			
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.452,10	46,01	56,65	78,74	120,33	64,86	136,51	138,35	107,20	66,77	64,84	94,38	48,34	56,94	37,20	45,56	40,04
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,20																
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	32,57																
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	17,84						0,17							1,50			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.044,19				15,32	40,70	41,76	61,49	45,17	29,43	35,38	40,00	24,72	32,60	20,53	26,76	13,08
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	122,01	37,09	34,85	50,07													
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,78	0,39	0,18	0,20	0,11	0,28	0,17	1,04	0,93	0,24	0,14	0,64	0,49	0,65	0,15	0,46	0,94
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,44	1,60	1,03				0,21		0,09					0,10			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	201,90	5,13	4,88	3,06	0,92	0,30	5,72	11,16	7,12	7,69	0,34	16,59	9,47	7,20		3,14	2,70
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	105,05		38,88				12,13			19,31		2,30					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,96	0,19	0,20	0,78	0,03	1,30	1,48	1,25	2,16	0,54	0,52	0,84	0,29	0,21	0,13	0,10	0,12
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV																	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,29								0,09				0,75				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.322,88	13,20	10,37	16,07	52,51	45,68	90,71	71,28	106,70	43,91	56,19	14,41	16,74	50,43	61,33	20,72	8,34
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,52							2,95	0,55								
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	34,68				0,50		0,40				4,80	2,19	3,50	3,43			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.038,27	4,93	6,30	2,46	164,63	3,75	584,99	5,44	1,12	74,38	103,05	4,95	4,43	7,61	131,54	323,38	9,59
4	Đất đã thí*	KDT	4.732,57	1.116,26	1.707,08	1.899,23													

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN VĂN CHẤN

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
			Tổng diện tích (hệ)	Xã Nghĩa Yên	Xã Phú Nham	Xã Phúc Sơn	Xã Sơn A	Xã Sơn Lương	Xã Sơn Thịnh	Xã Sùng Đô	Xã Suối Bù	Xã Suối Giàng	Xã Suối Quyền	Xã Tân Thịnh	Xã Thạch Lương	Xã Thanh Lương	Xã Thương Bằng La	Xã Tú Lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
0,01	Đất nông nghiệp	NNP	163.203,38	4.396,27	1.610,88	1.048,19	606,31	1.975,16	2.784,26	3.778,66	2.607,16	5.650,57	3.107,62	2.767,98	618,91	217,41	8.862,76	2.580,78	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.882,68	111,44	297,62	265,02	196,99	90,70	155,30	301,42	32,14	111,91	94,12	142,92	196,36	168,80	249,67	181,99	
	Trang trại: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	4.337,08	111,44	297,62	265,02	197,34	90,70	149,80	99,22	30,97	88,33	78,74	142,92	196,36	168,92	230,67	173,94	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.885,06	120,69	83,12	6,60	31,60	193,17	364,41	663,15	317,70	612,66	97,03	92,16	15,75		338,53	601,18	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	19.801,53	1.630,19	393,04	224,85	142,04	679,16	1.070,15	123,44	109,92	1.101,26	294,39	1.065,26	193,85	48,46	1.631,07	168,17	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.800,58							483,58	906,94	1.626,17	1.043,19	101,01		2.204,07	326,00		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	62.532,44	2.363,60	812,96	549,31	231,44	1.010,85	1.174,80	2.205,14	1.239,68	2.197,29	1.578,75	1.357,10	203,16		4.368,03	1.302,32	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	252,36	10,34	22,96	2,41	4,25	1,28	4,35	1,92	0,78	1,28	9,53	9,79	0,15	41,72	1,12		
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	48,75		1,18				15,25				0,15				29,67		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.495,58	211,92	471,35	157,61	253,48	130,37	361,52	135,93	56,15	312,72	228,70	218,01	162,76	95,26	333,91	205,02	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	444,91		160,05				53,58				173,18	33,19					
2.2	Đất an ninh	CAN	1,03						1,03										
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	33,52						33,52										
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,31	0,03	0,06		0,11		2,22					0,10				0,08	0,25
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	128,06	1,95	3,42		0,35	3,14	8,87		0,43	0,88		1,04		1,13	5,46		
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	506,33	4,00	6,10								24,82	39,62			9,01	12,00	
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.452,10	112,48	138,08	61,34	93,47	45,26	92,59	77,20	13,07	76,18	104,33	106,33	87,91	39,96	112,34	88,84	
2.10	Đất có giá trị lịch sử - văn hóa	DDT	0,20		0,17												0,03		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	32,57				19,67		5,90									7,00	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	17,84						9,96					0,46			5,75		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.044,19	56,37	76,69	49,07	48,55	31,38	84,20	20,83	21,78	28,37	17,91	40,84	29,81	21,69	58,25	31,50	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	122,01																
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,78		0,17	0,19	0,50	0,15	3,75	0,46	0,20	0,26	0,72	0,01	0,23	0,17	0,72	0,24	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,44						0,29	0,12									
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	201,90	4,98	27,30	8,06	15,69	2,78	8,31	0,30	0,63	3,02	3,19	11,71	3,71	14,07	12,73		
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	105,05		2,91			10,63	4,00								14,89		
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,96	0,55	0,69	0,83	0,56	0,21	0,99	0,26	0,04	0,30	0,04	0,90	0,20	0,34	0,53	0,38	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV																	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,29	0,25	1,60									0,03			0,57		
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.322,88	30,31	54,03	37,82	69,91	27,84	52,31	36,76	20,00	29,51	39,54	25,49	32,90	27,26	110,53	50,68	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,52									1,02							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	34,68	1,00	0,08	0,30	4,67	8,98					0,15		1,00	1,68	2,00		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.038,27	0,51	27,26	3,42	4,64	34,41	5,73	161,64	3,08	70,37	149,75	1,90	12,86	3,25	45,94	80,96	
4	Đất đô thị*	KDT	4.732,57																

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	DV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Căn cứ pháp lý	Số TT trên BĐ KHSDD năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
8	Công trình thủy lợi Hồ Phú Nham	KH Nông	Xã Phú Nham	1,50	0,60		0,90	Công văn số 977/SNN-KH ngày 12/9/2017 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất cho các công trình thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2018	VC06	KH2018	Điều chỉnh tên, diện tích (Dự án sửa chữa, nâng cao an toàn đập tỉnh Yên Bái (WB8) - Hồ chứa Phú Nham 0,66	
9	Công trình thủy lợi Hồ Nông Trường	DTL	Thị trấn NT Nghĩa Lộ	1,20	0,20		1,00	Công văn số 977/SNN-KH ngày 12/9/2017 của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất cho các công trình thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2018	VC07	KH2018	Dự án sửa chữa, nâng cao an toàn đập tỉnh Yên Bái (WB8) - Hồ Nông trường Nghĩa Lộ (0,92 ha)	
10	Cấp nước sinh hoạt Khe Sanh	DTL	Xã Gia Hội	0,10			0,10	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC08	KH 2017		
11	Cấp nước sinh hoạt thôn Thác Vác	DTL	Xã Đồng Khê	0,10			0,10	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC10	KH 2017		
12	Dự án nâng cấp hồ chứa nước Suối Giàng (hạng mục công trình đầu mối, xử lý chống thấm vùng hồ, đường quanh hồ)	DTL	Xã Suối Giàng	4,50				Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp gia cố hồ chứa nước xã Suối Giàng, huyện Văn Chấn	VC21	Cập nhật KH 2018 lần 2		
13	Công trình thủy lợi Hồ thôn 26	DTL	Xã Thượng Bằng La	1,00	0,30		0,70	Công văn số 25/BQL-KH ngày 12/9/2018 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC114	Đăng ký mới năm 2019		
2.1.2.3 <i>Đổi xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>												
14	Mở rộng diện tích trường tiểu học và trung học cơ sở Thanh Lương (thôn Đồng Lơi)	DGD	Xã Thanh Lương	0,13	0,11		0,02	Thực hiện đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện Văn Chấn giai đoạn 2016-2020	VC25	KH2018		
15	Mở rộng trường mầm non Nghĩa Tâm (Mở rộng điểm trường Hợp Nhất)	DGD	Xã Nghĩa Tâm	0,08			0,08	Thực hiện đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện Văn Chấn giai đoạn 2016-2020	VC26	KH2018	Điều chỉnh tên (Mở rộng điểm trường Hợp Nhất, trường mầm non Nghĩa Tâm (thôn Hợp Nhất)	
16	Mở rộng trường mầm non An Lương (Mở rộng trường trung tâm thôn Mâm 1)	DGD	Xã An Lương	0,20			0,20	Thực hiện đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện Văn Chấn giai đoạn 2016-2020	VC27	KH2018	Điều chỉnh tên (Mở rộng trường trung tâm, trường mầm non An Lương (thôn Mâm 1)	
17	Mở rộng trường mầm non Gia Hội (trường trung tâm thôn Nà Ké)	DGD	Xã Gia Hội	0,07			0,07	Thực hiện đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện Văn Chấn giai đoạn 2016-2020	VC28	KH2018	Điều chỉnh tên (Mở rộng trường trung tâm, trường mầm non Gia Hội (thôn Nà Ké)	
18	Mở rộng trường tiểu học Phúc Sơn (trường trung tâm - thôn Phai Ngòi)	DGD	Xã Phúc Sơn	0,25			0,25	Thực hiện đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện Văn Chấn giai đoạn 2016-2020	VC29	KH2018	Điều chỉnh tên (Mở rộng trường trung tâm, trường tiểu học Phúc Sơn (thôn Phai Ngòi)	
19	Mở rộng trường Tiểu học Sơn Lương (trường trung tâm- thôn bản Lám)	DGD	Xã Sơn Lương	0,33			0,33	Thực hiện đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện Văn Chấn giai đoạn 2016-2020	VC30	KH2018	Điều chỉnh tên (Mở rộng trường trung tâm, trường Tiểu học Sơn Lương (thôn bản Lám)	
20	Trường Mầm Non Chấn Thịnh (thôn Vũ Thịnh)	DGD	Xã Chấn Thịnh	0,50	0,21		0,29	Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC19	Cập nhật KH 2018 lần 2	Điều chỉnh tên (Trường Mầm Non Chấn Thịnh)	

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	DV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Căn cứ pháp lý	Số TT trên BD KHSDĐ năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
21	Mô mới trường PTDTBT tiểu học và Trung học cơ sở Suối Giang (thôn Pang Càng)		Xã Suối Giang	0,93				0,93	Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình kiến tạo hóa trường lớp học mầm non, tiểu học sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 tỉnh Yên Bái	VC127	Đăng ký mới năm 2019	
22	Mô mới trường mầm non Minh An (thôn Khu Bội)		Xã Minh An	0,34				0,34	Báo cáo số 137/BC-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn báo cáo tình hình thực hiện đầu tư các dự án giai đoạn 2016-2018, kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2019-2020 thuộc Đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Văn Chấn, giai đoạn 2016-2020	VC128	Đăng ký mới năm 2019	
23	Mô mới trường tiểu học xã Tú Lệ (khu bán trú học sinh và nhà công vụ cho giáo viên)		Xã Tú Lệ	0,30				0,30	Đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục, mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Văn Chấn, giai đoạn 2016-2020 phê duyệt theo quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 27/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn; Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn về việc đầu tư cơ sở vật chất trường học thực hiện Đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với	VC146	Đăng ký mới năm 2019	
2.1.2.4	<u>Đất công trình năng lượng</u>											
24	Thủy điện Thác Cá I		Xã An Lương, Suối Quyền	60,75	9,88			50,87	Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC31	KH 2016	
25	Đường dây 110KV Nghĩa Lộ-Ba Khe-Cắm Khê		Huyện Văn Chấn	2,19	0,16			2,03	Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC32	KH 2017	
26	Mở rộng ngăn lộ trạm biến áp 110KV Nghĩa Lộ đầu nối từ nhà máy thủy điện Trạm Tấu vào lưới điện quốc gia		Xã Thanh Lương	0,05	0,05				Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC33	KH 2017	
27	Đường dây 110KV đầu nối từ nhà máy thủy điện Trạm Tấu vào lưới điện quốc gia		Xã Phúc Sơn, xã Thạch Lương	0,35	0,09			0,26	Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC34	KH 2017	
28	Dự án xây dựng trạm biến áp 110KV Ba Khe và nhánh rẽ		Tân Thịnh, Đại Lịch	2,16	1,16			1,00	Quyết định 940/QĐ-UBND ngày 01/06/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC35	KH 2017	
29	Trạm biến áp 220KV Nghĩa Lộ và đường dây 220kv Nghĩa Lộ đầu nối trạm biến áp 500KV Việt Trì		các xã TTNT Nghĩa Lộ, Sơn Thịnh, Đông Khê, Cát Thịnh, Chấn Thịnh, Tân Thịnh	8,72	0,42			8,30	Văn bản số 532/UBND-CN ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Yên Bái về việc thống nhất hướng tuyến xây dựng đường dây 220KV đầu nối vào trạm	VC36	KH2018	
30	Nhà máy thủy điện Phình Hồ		Xã Sơn Thịnh	1,11				1,11	Quyết định chủ trương đầu tư số 2594/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái thực hiện dự án đầu tư thủy điện Phình Hồ	VC37	KH2018	
30	Đường vận hành, đắp và hồ điều hòa và nhà điều hành dự án Thủy điện Pá Hu		Xã Phúc Sơn, Thạch Lương	8,21	0,05			8,16	Quyết định chủ trương đầu tư số 320/QĐ-UBND ngày 7/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chấp thuận cho Công ty Cổ Phần ĐTXD&PT Trường Thành làm Chủ đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Thủy điện Pá Hu	VC38	KH2018	

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	DV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Căn cứ pháp lý	Số TT trên RD KHISDD năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
43	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Pang Càng)	Kế hoạch ONT	Xã Suối Giàng	0,67				0,67	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC41	KH 2017	
44	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Pang Càng)	ONT	Xã Suối Giàng	0,45				0,45	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC42	KH 2017	
45	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Pang Càng)	ONT	Xã Suối Giàng	0,37				0,37	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC43	KH 2017	
46	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (Khu 2 Ngã Ba)	ONT	Xã Cát Thịnh	0,10				0,10	Để án phát triển quỹ đất thu ngân sách giai đoạn 2018-2020 tỉnh Yên Bái	VC45	KH2018	
47	Giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Hà Thị Dương (thôn Cuôm)	ONT	Xã Thượng Bằng La	0,08				0,08	Công văn số 624/UBND-TCD ngày 4/4/2016 của UBND tỉnh Yên Bái về việc giải quyết đơn của công dân	VC46	KH2018	
48	Giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 02 hộ gia đình (thôn 26/3)	ONT	Xã Thượng Bằng La	0,06				0,06		VC47	KH2018	
49	Giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 3 hộ gia đình (thôn 26/3)	ONT	Xã Thượng Bằng La	0,09				0,09		VC48	KH2018	
50	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (Bản Noong Ổ)	ONT	Xã Phù Nham	0,15				0,15	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC49	KH 2016	
51	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (Bản Noong Ổ)	ONT	Xã Phù Nham	0,64	0,52			0,12	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC50	KH 2016	
52	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (Bản Tền)	ONT	Xã Phù Nham	0,63	0,63				Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC51	KH 2016	
53	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn 5)	ONT	Xã Tân Thịnh	0,90	0,90				Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC55	KH 2016	
54	Dự án phát triển quỹ đất dân cư Tân Thịnh (Thôn 13)	ONT	Xã Tân Thịnh	0,18	0,17			0,01	Quyết định 3846/QĐ -UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC55	KH 2017	

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	DV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất tấp vào (ha)				Cơ sở pháp lý	Số TT trên BĐ KHISDD năm 2018	Ghi chú năm KII	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
55	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Mường Chả)	ONT	Xã Hạnh Sơn	0,05	0,05				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC61	KH2018	
56	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Lồm)	ONT	Xã Hạnh Sơn	0,03				0,03	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC62	KH2018	
57	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Viêng Cống)	ONT	Xã Hạnh Sơn	0,33	0,33				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC63	KH 2017	
58	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Mường Chá)	ONT	Xã Hạnh Sơn	1,00	1,00				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC64	KH2018	
59	Khu tái định cư tập trung tại xã Thạch Lương (thôn Co Há)	ONT	Xã Thạch Lương	1,22	1,22				QĐ số 3085/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017 để thực hiện các dự án bố trí tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất trên địa bàn tỉnh	VC65	KH 2017	
60	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Co Há) khu vực 2	ONT	Xã Thạch Lương	0,16	0,16				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC66	KH2018	
61	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Co Há) khu vực 3	ONT	Xã Thạch Lương	0,40	0,40				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC67	KH2018	
62	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Cại)	ONT	Xã Thạch Lương	3,00				3,00	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC68	KH 2017	
63	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Kem)	ONT	Xã Thạch Lương	0,46	0,46				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC69	KH2018	
64	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Noong Phai)	ONT	Xã Phúc Sơn	0,21	0,03			0,18	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC70	KH2018	
65	Khu tái định cư tập trung tại xã Phúc Sơn (bản Ngoa)	ONT	Xã Phúc Sơn	0,60	0,60				QĐ số 3085/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017 để thực hiện các dự án bố trí tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất trên địa bàn tỉnh	VC71	KH 2017	

TT	Tên Công Trình	Ghi chú		Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Căn cứ pháp lý	Số TT trên ĐD KHISDD năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
		Kế hoạch	DV Hành Chính		Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
66	Khu tái định cư tập trung tại xã Phúc Sơn (bản Ten)	ONT	Xã Phúc Sơn	3,00	3,00				QĐ số 3083/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017 để thực hiện các dự án bố trí tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất trên địa bàn tỉnh.	VC72	KH 2017	
67	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Lu 2)	ONT	Xã Phúc Sơn	2,00				2,00	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC73	KH2018	
68	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (bản Luong)	ONT	Xã Phú Nham	0,09				0,09	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC74	KH2018	
69	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (bản Nặm Cướm)	ONT	Xã Nặm Búng	2,00				2,00	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC75	KH2018	
70	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (thôn 3)	ONT	Xã Tân Thịnh	0,60				0,60	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC76	KH2018	
71	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Đèo Ách)	ONT	Xã Cát Thịnh	0,10				0,10	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC77	KH2018	
72	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Cao Phường)	ONT	Xã Cát Thịnh	0,10				0,10	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC78	KH2018	
73	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Cò Cọi 3)	ONT	Xã Sơn A	0,24	0,24				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC81	KH2018	
74	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Dống)	ONT	Xã Sơn Lương	0,15				0,15	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC82	KH2018	
75	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (thôn Diệp Quang - xã Phúc Sơn)	ONT	Xã Phúc Sơn	0,03				0,03	Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC83	KH2018	
76	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Lanh - xã Phúc Sơn)	ONT	Xã Phúc Sơn	0,03	0,03				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC84	KH2018	
77	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Lanh - xã Phúc Sơn)	ONT	Xã Phúc Sơn	0,02	0,02				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC85	KH 2017	
78	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Thôn - xã Phúc Sơn)	ONT	Xã Phúc Sơn	0,04	0,04				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC86	KH2018	

TT	Tên Công Trình	Ghi chú Kế hoạch	ĐV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Căn cứ pháp lý	Số TT trên BD KHISDD năm 2018	Ghi chú năm KII	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
79	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Mùông - xã Phúc Sơn)	ONT	Xã Phúc Sơn	0,03	0,03				Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC87	KH2018	
80	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Văn - xã Gia Hội)	ONT	Xã Gia Hội	0,03			0,03		Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC88	KH2018	
81	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Văn - xã Gia Hội)	ONT	Xã Gia Hội	0,03			0,03		Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC89	KH2018	
82	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Bản Văn - xã Gia Hội)	ONT	Xã Gia Hội	0,03			0,03		Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC90	KH2018	
83	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Thôn Nam Vai - xã Gia Hội)	ONT	Xã Gia Hội	0,03			0,03		Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC91	KH2018	
84	Khu tái định cư di dân khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bão lũ (Thôn Giảng Cãi - xã Nậm Lành)	ONT	Xã Nậm Lành	0,03			0,03		Công văn số 1760/STNMT-QLĐĐ ngày 19/10/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái về việc bố trí đất ở tái định cư đối với những trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ	VC92	KH2018	
85	Dự án phát triển quỹ đất dân cư Thôn Cò Cọi 3	ONT	Xã Sơn A	1,10					Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC09	Cập nhật KH 2018 lần 1	
86	Dự án phát triển quỹ đất dân cư Thôn 4	ONT	Xã Đại Lịch	1,30	1,00		0,30		Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC11	Cập nhật KH 2018 lần 1	Điều chỉnh diện tích (1,6 ha)
87	Dự án phát triển quỹ đất dân cư Thôn Cò Cọi 2	ONT	Xã Sơn A	0,30	0,300				Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC14	Cập nhật KH 2018 lần 1	
88	Dự án phát triển quỹ đất dân cư Thôn Cò Cọi 3	ONT	Xã Sơn A	2,40	2,400				Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC15	Cập nhật KH 2018 lần 1	
89	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (Thôn phố 1)	ONT	Xã Đồng Khê	0,02					Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC18	Cập nhật KH 2018 lần 1	
90	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu 1 và khu 2)	ONT	Xã Sơn A	3,40	0,95				Văn bản số 103a/VPDK-QL&PTQĐ ngày 11/6/2018 v/v chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất và đăng ký bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018	VC101	Cập nhật KH 2018 lần 2	



TT	Tên Công Trình	Chỉ chủ	ĐV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Căn cứ pháp lý	Số TT trên BĐ KHISDD năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
		Kế hoạch			Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
91	Quyết đất thôn Bán Tú (bão lũ)	ONT	Xã Sơn Lương	0,58					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC05	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
92	Quyết đất thôn Hào Pành (bão lũ)	ONT	Xã Nham Mười	1,15					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC57	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
93	Quyết đất thôn Ngã Hai (quy số 1; bão lũ)	ONT	Xã Sùng Đô	0,54					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC58	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
94	Quyết đất thôn Ngã Hai (quy số 2; bão lũ)	ONT	Xã Sùng Đô	0,42					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC59	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
95	Quyết đất thôn Nà Nội (bão lũ)	ONT	Xã Sùng Đô	3,46					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC60	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
96	Xét giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Sơn Lương	ONT	Xã Sơn Lương	0,01				0,01	Đem xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị Minh Thư Văn bản ngày 14/5/2004 của UBND xã Sơn Lương về việc để nghị xử lý diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trụ sở UBND xã Sơn Lương	VC112	Đăng ký mới năm 2019	
97	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Cầu Thia khu 2)	ONT	Xã Phú Nham	0,50	0,50				Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC120	Đăng ký mới năm 2019	
98	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Cầu Thia khu 1)	ONT	Xã Phú Nham	0,70	0,70				Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC121	Đăng ký mới năm 2019	
99	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Ba Khe 2)	ONT	Xã Cát Thịnh	0,60	0,60				Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC122	Đăng ký mới năm 2019	
100	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Ba Khe 2)	ONT	Xã Cát Thịnh	0,70	0,70				Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC123	Đăng ký mới năm 2019	
101	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Chùa 1)	ONT	Xã Chấn Thịnh	0,90				0,90	Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC124	Đăng ký mới năm 2019	
102	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Chùa 2)	ONT	Xã Chấn Thịnh	0,67	0,67				Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC125	Đăng ký mới năm 2019	
103	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn 4)	ONT	Xã Tân Thịnh	1,60	1,60				Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC126	Đăng ký mới năm 2019	
104	Quyết đất tái định cư tập trung thôn Suối Quyền - xã Suối Quyền	ONT	Xã Suối Quyền	0,12				0,12	Các quy định tập trung xin chuyển mục đích để bố trí cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bão lũ	VC133	Đăng ký mới năm 2019	

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	DV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Cơ sở pháp lý	Số TT trên BB KHSDĐ năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
105	Quyết định tái định cư tập trung thôn Khe Trang (Đồi Thôn) - xã Sùng Đô	QNT	Xã Sùng Đô	1,06				1,06	Các quỹ đất tập trung xin chuyển mục đích để bố trí cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bão lũ	VC134	Đăng ký mới năm 2019	
106	Quyết định tái định cư tập trung thôn Khe Trang (Đồi Cọ) - xã Sùng Đô	QNT	Xã Sùng Đô	0,98				0,98	Các quỹ đất tập trung xin chuyển mục đích để bố trí cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bão lũ	VC135	Đăng ký mới năm 2019	
107	Quyết định tái định cư tập trung thôn Khe Sanh - xã Gia Hội	ONT	Xã Gia Hội	0,95				0,95	Các quỹ đất tập trung xin chuyển mục đích để bố trí cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bão lũ	VC136	Đăng ký mới năm 2019	
108	Quyết định tái định cư tập trung thôn Năm Kíp - xã Năm Lành	ONT	Xã Năm Lành	0,49				0,49	Các quỹ đất tập trung xin chuyển mục đích để bố trí cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bão lũ	VC137	Đăng ký mới năm 2019	
109	Quyết định tái định cư tập trung thôn Năm Cướm - xã Năm Búng	ONT	Xã Năm Búng	1,2				1,2	Các quỹ đất tập trung xin chuyển mục đích để bố trí cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bão lũ	VC138	Đăng ký mới năm 2019	
110	Mở rộng quỹ đất tái định cư tập trung thôn Bàn Tú - xã Sơn Lương	ONT	Xã Sơn Lương	1,79				1,79	Các quỹ đất tập trung xin chuyển mục đích để bố trí cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bão lũ	VC139	Đăng ký mới năm 2019	
111	Phát triển quỹ đất khu dân cư thôn Chùa 1 (khu 2)	ONT	Xã Chân Thỉnh	0,30				0,30	Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án Phát triển quỹ đất thu ngân sách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020	VC148	Đăng ký mới năm 2019	
2.1.5 Đất xây dựng trụ sở cơ quan												
112	Mở rộng UBND xã Thạch Lương	TSC	Xã Thạch Lương	0,10	0,10				Quyết định 3846/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC93	KH 2017	
113	Quyết định nhân dân xã Chân Thỉnh (Điểm giao dịch xã Đại Lịch)	TSC	Xã Đại Lịch	0,02					Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC17	Cấp nhật KH 2018 lần 1	
114	Địa điểm sơ tán (tỉnh ủy - UBHC tỉnh Nghĩa Lộ (1967-1973) - Bàn Bón	TSC	TTNT Liên Sơn	0,20					Công văn số 660/VHTTDL-QL.VH ngày 04/5/2018 của Sở Văn Hóa thể thao và Du lịch tỉnh Yên Bái	VC20	Cấp nhật KH 2018 lần 2	Điều chỉnh tên Địa điểm sơ tán tỉnh ủy - UBHC tỉnh Nghĩa Lộ (1967-1973)
2.1.6 Đất bãi thải, xử lý chất thải												
115	Bãi rác các xã vùng ngoài	DRA	Xã Thượng Bằng La	5,70				5,70	Quyết định 3846/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC95	KH 2017	
116	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt	DRA	Xã Sơn Thỉnh	5,00				5,00	Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC96	KH 2017	
117	Bãi rác thôn Năm Cướm	DRA	Xã Năm Búng	1,50					Văn bản số 1143/UBND-TM ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc triển khai thực hiện các dự án về sinh môi trường và xử lý triệt để ô nhiễm môi trường trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn	VC22	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
118	Bãi rác tập trung tại khu vực huyện Văn Chấn	DRA	Xã Sơn Thỉnh	3,84					Văn bản số 1143/UBND-TM ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc triển khai thực hiện các dự án về sinh môi trường và xử lý triệt để ô nhiễm môi trường trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn	VC23	Cấp nhật KH 2018 lần 2	

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	BV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Cơ sở pháp lý	Số TT trên BD KHISDD năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
119	Lô dãi rác thải (thôn Trung Tâm)	Kế hoạch	Xã Thương Bàng La	0,05				0,05	Công văn số 132/CV-DK. KHSDĐ ngày 09/9/2018 của UBND xã Thương Bàng La về việc đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2019	VC130	Đăng ký mới năm 2019	
2.1.7	Đất danh lam thắng cảnh											
120	Khu du lịch sinh thái nước nóng bản Bôn	DDĐ	Xã Sơn A	18,67	0,97			17,70	Quyết định 3846/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC97	KH 2016	
121	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Tú Lệ	DDL	Xã Tú Lệ	7,00				7,00	Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC98	KH 2017	
122	Khu du lịch sinh thái suối nước nóng (bản Hóc)	DDL	Xã Sơn Thịnh	5,9				5,9	Công văn số 680/UBND-TH ngày 21/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn về việc xem xét nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	VC100	KH2018	
2.1.8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng											
123	Mở rộng Nhà thờ Đồng Lú thuộc giáo xứ Đồng Lú	TON	TTNT Nghĩa Lộ	0,37					Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 09/4/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn về việc cho phép thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc	VC99	Cập nhật KH 2018 lần 2	
124	Nhà thờ giáo họ Nậm Búng	TON	Xã Nậm Búng	0,10				0,10	Văn bản số 15/CV-HĐGX ngày 10/9/2018 của Giáo phận Hưng Hóa, Giáo Xứ Vĩnh Quang về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2018	VC107	Đăng ký mới năm 2019	
125	Giáo họ Bàn Lệnh	TON	Xã Sơn Thịnh	0,29				0,29	Văn bản số 10/CV-GXDŁ ngày 13/9/2018 của Giáo xứ Đồng Lú, Giáo họ Sơn Thịnh về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019	VC119	Đăng ký mới năm 2019	
126	Dinh, đền, chùa xã Thương Bàng La (thôn Hấn)	TIN	Xã Thương Bàng La	0,50	0,24			0,26	Công văn số 660/VHTTDL-QLVH ngày 04/5/2018 của Sở Văn Hóa thể thao và Du lịch tỉnh Yên Bái	VC53	Cập nhật KH 2018 lần 2	Điều chỉnh tên Dinh, đền, chùa xã Thương Bàng La
2.2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất											
2.2.1	Đặt cơ sở sản xuất phi nông nghiệp											
127	Xây dựng xưởng cán tôn	SKC	Xã Sơn A	0,35	0,35				Công văn số 02/CV-DNDQ ngày 22/8/2017 của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất kinh doanh và thương mại Duy Quang	VC104	KH2018	
128	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế biến các loại trà từ dược liệu và sơ chế dược liệu.	SKC	Thôn Văn Thi 3, xã Sơn Thịnh	4,70					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC80	Cập nhật KH 2018 lần 2	Điều chỉnh tên Nhà máy chế biến nông sản
129	Nhà máy chế biến chè Tuyết Sơn	SKC	Tổ dân phố 7, TTNT Nghĩa Lộ	1,10					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC94	Cập nhật KH 2018 lần 2	
130	Khu vực trồng cây dược liệu (công ty TNHH sản xuất y học cổ truyền và đông dược thế gia)	SKC	Xã Nậm Búng	19,00					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC54	Cập nhật KH 2018 lần 2	
131	Mở rộng nhà máy sản xuất y học cổ truyền và Đông dược thế gia đạt chuẩn GMP-WHO	SKC	Xã Sơn Thịnh	1,21					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC103	Cập nhật KH 2018 lần 2	

TT	Tên Công Trình	Chỉ chú	DV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Căn cứ pháp lý	Số TT trên BD KHSDĐ năm 2018	Chỉ chủ năm KH	Chỉ chú	
		Kl. hợp lệ			Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					
132	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (Khu đất Công ty vật tư tổng hợp Công Long Vinashin)	SKC	Xã Thanh Lương	0,47				0,47	Quyết định 2274/QĐUBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái		Đăng ký mới năm 2019		
133	Cơ sở sản xuất viên Gô Nén, Cùi Trầu	SKC	Xã Phú Nham	1,17				1,17	Tờ trình số 01/AK-TT ngày 03/10/2018 của Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp An Khánh về việc đầu tư làm cơ sở sản xuất viên Gô Nén, Cùi Trầu	VC140	Đăng ký mới năm 2019		
134	Xưởng chế biến nông sản và dịch vụ kho bãi	SKC	TTNT Nghĩa Lộ	0,6				0,6					
2.2.2 Đất thương mại, dịch vụ													
135	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm (công ty TNHH Hoàng Vũ Lai Châu)	TMD	Thị trấn NT Nghĩa Lộ	0,40				0,40	Quyết định 3846/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC108	KH 2017		
136	Nhà trực vận hành quản lý điện	TMD	xã Năm Đứng	0,04				0,04	Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC109	KH 2017		
137	Nhà trực vận hành quản lý điện	TMD	Xã Nghĩa Tâm	0,03				0,03	Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2017	VC110	KH 2017		
138	Cửa hàng xăng dầu	TMD	Xã Gia Hội	0,07	0,07				Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 4/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	VC111	KH2018		
139	Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp An Sơn (Xin thuê đất, cấp GCNQSDĐ)	TMD	Xã Hạnh Sơn	0,21					Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	VC52	Cấp nhật KH 2018 lần 2		
140	Cửa hàng xăng dầu (Hoàng Hữu Pháp)	TMD	Xã Thượng Bằng La	0,08				0,08	Đơn xin chuyển mục đích của hộ ông Hoàng Hữu Pháp	VC131	Đăng ký mới năm 2019		
141	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	TMD	Xã Đại Lịch	0,08				0,08	Văn bản số 1066/SCT-KHCTH ngày 12/6/2018 của Sở Công Thương về việc xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại thôn 14, xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn	VC132	Đăng ký mới năm 2019		
2.2.3 Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản													
142	Khai thác khoáng sản (HTX Suối Quyền Th. Suối Bắc)	SKS	Xã Suối Quyền	5,00				5,00	Quyết định 3846/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC105	KH 2017		
143	Khai thác khoáng sản (HTX Suối Quyền Th. Suối Bó)	SKS	Xã Suối Quyền	9,91				9,91	Quyết định 3846/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC106	KH 2017		
2.2.4 Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm													
144	Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lò thiên tại khu vực thôn Ba Khe 2 xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn	SKX	Xã Cát Thịnh	4,87				4,87	Văn bản số 12/HTX-VT ngày 1/9/2018 của HTX Văn Thịnh về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019 tại xã Thượng Bằng La	VC150	Đăng ký mới năm 2019		

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	DV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Cơ sở pháp lý	Số TT trên BD KHSDĐ năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
145	Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực thôn Khe Thảm, xã Thương Bàng La, huyện Văn Chấn	SKX	Xã Thương Bàng La	4,13				4,13	Văn bản số 11/HTX-VT ngày 1/9/2018 của HTX Văn Thịnh và việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019 tại xã Thương Bàng La	VC12	Đăng ký mới năm 2019	
146	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác chế biến mỏ đá vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 13, xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn	SKX	Xã Đồng Khê	3,73				3,73	Văn bản số 08/CV-DNTNTH ngày 13/9/2018 của Doanh nghiệp tư nhân Thành Hưng và việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019 tại thôn 13, xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn	VC13	Đăng ký mới năm 2019	
147	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác sỏi làm gạch tại khu vực Rừng Sĩ, TTNT Nghĩa Lộ	SKX	TTNT Nghĩa Lộ	6,10				6,10	Văn bản số 63/CV-DNTNTH ngày 12/9/2018 của Công ty cổ phần xây dựng Quang Thịnh và việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019 tại thị trấn Nông trường Nghĩa Lộ	VC44	Đăng ký mới năm 2019	
148	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Sơn Lương và thị trấn nông trường Liên Sơn	SKX	Xã Sơn Lương, TTNT Liên Sơn	9,25				9,25	Công văn số 02/CV-DDVN ngày 5/3/2018 của công ty cổ phần vật liệu xây dựng Đảng Dược Việt Nam và việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2018 tại xã Sơn Lương và TTNT Liên Sơn, huyện Văn Chấn	VC142	Đăng ký mới năm 2019	
2.2.5	Đất nuôi trồng thủy sản											
149	Đề án nuôi trồng thủy sản	NTS	Xã Chấn Thịnh	1,09	1,09				Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24 /1/2017 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ chính sách sản xuất nông, lâm thủy sản, gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp	VC102(a,b)	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
150	Đề án nuôi trồng thủy sản	NTS	Xã Tân Thịnh	1,19	1,19				Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24 /1/2017 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ chính sách sản xuất nông, lâm thủy sản, gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp	VC113	Cấp nhật KH 2018 lần 2	
2.2.6	Đất nông nghiệp khác											
151	Dự án phát triển trang trại chăn nuôi (tổ 3B)	NKH	TTNT Nghĩa Lộ	2,5				2,5		VC147	Đăng ký mới năm 2019	
2.2.7	Đất trồng cây lâu năm											
152	Kế hoạch phát triển chè vùng cao tỉnh Yên Bái	CLN	Xã Gia Hội	120,00				120,00	Quyết định 3846/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC116	KH 2017	
2.2.8	Chuyển mục đích trong khu dân cư											
153	Chuyển mục đích sử dụng đất cho 14 hộ làm chiếm đất hồ Khe Khon	ONT	Xã Bình Thuận	0,09				0,09	Thông báo số 47/KL-UBND ngày 16/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn kết luận nội dung tố cáo của ông Hà Văn Lương, thôn Quין I, xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	VC153	Đăng ký mới 2019	Phụ biểu 06
154	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do ảnh hưởng hoãn lưu cơn bão số 03 (130 hộ)	ONT	Huyện Văn Chấn	3,85				3,85	Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018		Cấp nhật KH 2018 lần 2	Phụ biểu 09
155	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do ảnh hưởng hoãn lưu cơn bão số 03 (138 hộ)	ONT	Huyện Văn Chấn	2,72	0,49			2,23	Đơn đăng ký của hộ gia đình cá nhân	VC155	Đăng ký mới 2019	Phụ biểu 10
156	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân (129 hộ)	ONT,ODT	Huyện Văn Chấn	2,47	0,18			2,29	Quyết định số 3559/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái		KH 2018	Phụ biểu 05

TT	Tên Công Trình	Ghi chú	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Cơ sở pháp lý	Số TT trên BĐ KHSDĐ năm 2018	Ghi chú năm KH	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				
157	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (124 hộ)	Hệ hoạch QNT,ODT Huyện Văn Chấn	2,34	0,14			2,20	Đơn đăng ký của hộ gia đình cá nhân	Đăng ký mới 2019	Phụ biểu 08	
158	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (78 hộ)	QNT,ODT Huyện Văn Chấn	1,68	0,56			1,12	Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018; Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung và cho phép thực hiện các dự án, công trình sử dụng đất năm 2018	Cấp nhật KH 2018 lần 1,2	Phụ biểu 07	

2,34



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2018 CHƯA THỰC HIỆN
VÀ DỰ KIẾN HỦY BỎ TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN VĂN CHẤN**

TT	Tên Công Trình	Loại đất QH	ĐV Hành Chính	Quy mô Diện tích (ha)	Loại đất lấy vào (ha)				Năm đăng ký kế hoạch
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
1	Dự án nâng cấp Quốc lộ 32 đoạn Km 172 - Km 200+300 tỉnh Yên Bái	DHT	Huyện Văn Chấn	72,40	3,40			69,00	KH2017
2	Cải tạo nâng cấp hồ Phù Nham	DHT	Xã Phù Nham	1,10				1,10	KH 2016
3	Xây dựng nhà ở học sinh bán trú Trung học cơ sở An Lương (Thôn Mâm 1)	DHT	Xã An Lương	0,10				0,10	KH 2016
4	Xây dựng trường bán trú trường Trung học cơ sở Cát Thịnh	DHT	Xã Cát Thịnh	0,15				0,15	KH 2016
5	Mở rộng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sơn A (điểm Tiểu học khu trung tâm)	DHT	xã Sơn A	0,07				0,07	KH 2017
6	Mở mới khu bán trú học sinh Làng Cò trường PTDTBT tiểu học Nậm Mười (thôn Làng Cò)	DHT	Xã Nậm Mười	0,15				0,15	KH 2017
7	Mở rộng diện tích khu nhà máy trường MN Trần Phú (khu nhà máy chè)	DHT	Thị trấn NT Trần Phú	0,05				0,05	KH 2017
8	Mở rộng diện tích trường Mầm non xã Thạch Lương (Thôn Nà Lốc)	DHT	Xã Thạch Lương	0,06	0,06				KH 2017
9	Mở rộng diện tích trường MN Nậm Búng (thôn Trung Tâm)	DHT	xã Nậm Búng	0,03				0,03	KH 2017
10	Mở rộng diện tích trường MN Sơn Thịnh (bản Phiêng 1)	DHT	Xã Sơn Thịnh	0,30				0,30	KH 2017
11	Mở rộng diện tích trường Tiểu học xã Thạch Lương (Thôn Nà Lốc)	DHT	Xã Thạch Lương	0,07	0,07				KH 2017
12	Mở rộng diện tích trường Mầm non Thượng Bằng La (thôn Trung Tâm)	DHT	Xã Thượng Bằng La	0,13				0,13	KH 2017
13	Mở rộng diện tích trường Tiểu học Sơn A (điểm trung tâm- thôn cò cọi 2)	DHT	xã Sơn A	0,12	0,03			0,09	KH 2017
14	Trung tâm văn hóa huyện	DHT	Xã Sơn Thịnh	0,80				0,80	KH 2017



15	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn 4)	ONT	Xã Đại Lịch	1,60	0,90			0,70	KH 2017 lần 2
16	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Thắm)	ONT	Xã Thượng Bằng La	0,60	0,60				KH 2016
17	Kho vật chứng Chi cục Thi hành án huyện Văn Chấn	TSC	Xã Sơn Thịnh	0,03				0,03	KH 2016
18	Đất trồng cây Cao Su	CLN	Huyện Văn Chấn	690,00				690,00	KH 2016
19	Nhà kính trồng rau sạch (công ty TNHH Hoàng Vũ Lai Châu)	NKH	Thị trấn NT Nghĩa Lộ	2,60				2,60	KH 2016
20	Dự án phát triển quỹ đất dân cư (thôn Bu Thập)	ONT	Xã Suối Bu	0,90	0,81			0,09	KH 2016
21	Khu tái định cư tập trung tại xã Sơn A (Thôn Gốc Bực)	ONT	Xã Sơn A	0,18				0,18	KH 2017
22	Khu tái định cư tập trung tại xã Sơn A (Thôn Bản Vần)	ONT	Xã Sơn A	0,20				0,20	KH 2017